

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HOA LƯ  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/DS-ST  
Ngày: 06/01/2020  
V/v: tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOA LƯ, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Văn Luận.

2. Ông Hoàng Tú Anh.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đinh Huy Hiệp, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 6 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoa Lư xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 11/2019/TLST-DS ngày 30 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị Đỗ Thị N. Trú tại: Thôn X, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Phạm Đức Hiền- Luật sư Văn phòng Luật sư Đức Hiền thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Ninh Bình. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Vợ chồng anh Phạm Ngọc C, chị Vũ Thị Minh T. Đều trú tại: thôn V, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện đề ngày 9/8/2019 và đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 27/8/2019 và các lời khai của nguyên đơn trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và lời khai, trình bày của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa:**

Chị Đỗ Thị N có cho vợ chồng anh Phạm Ngọc C và chị Vũ Thị Minh T vay tiền 02 lần, cụ thể:

Ngày 28/8/2018 âm lịch tức ngày 7/10/2018 dương lịch, số tiền vay là 115 triệu đồng, thời hạn 06 tháng, có viết giấy vay tiền, lãi suất hai bên thỏa thuận miệng là

1.700 đồng/triệu/ngày. Anh C, chị T có thể chấp cho chị N 01 chứng nhận đăng ký ro moóc, somi ro moóc biên kiểm soát 35R- 007 09 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 35R-007.09 ngày 24/2/2017. Đến nay, anh C, chị T chưa trả gốc, lãi cho chị N.

Ngày 12/2/2019 âm lịch tức ngày 17/3/2019 dương lịch, số tiền vay là 100 triệu đồng, thời hạn vay 03 tháng, lãi suất thỏa thuận miệng là 2.000 đồng/triệu/ngày. Anh C, chị T có thể chấp cho chị N 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô đầu kéo 35C- 069.32. Ngày 12/9/2019, bà Nguyễn Thị H (mẹ anh C) đã mang trả chị N 100 triệu đồng tiền gốc cho khoản vay ngày 17/3/2019 của vợ chồng anh C, chị T và lấy lại một chứng nhận đăng ký xe ô tô đầu kéo 35C- 069.32 mang về cho anh C. Vợ chồng anh C, chị T đã trả cho chị N tiền lãi một tháng của khoản vay này. Chị N xác định khoản vay ngày 17/3/2019, anh C, chị T đã trả xong cả gốc và lãi, không yêu cầu anh C, chị T phải trả nữa.

Chị N đề nghị tòa án buộc vợ chồng anh C, chị T phải trả số tiền nợ gốc, lãi của khoản vay ngày 7/10/2018 với mức lãi xuất hàng tháng là 1% tính đến ngày xét xử là: **132.250.000 đồng** (gốc là 115 triệu, lãi là: 15 tháng x 1.150.000 đồng/ tháng x 115 triệu = 17.250.000 đồng) và tính lãi tiếp theo kể từ ngày xét xử theo quy định của pháp luật. Khi nào vợ chồng anh C, chị T trả xong nợ, chị N sẽ trả lại giấy tờ xe cho vợ chồng anh C, chị T.

**Quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn - anh Phạm Ngọc C trình bày:** Vợ chồng anh có vay tiền của chị N 02 lần. Thời gian vay, số tiền vay, mức lãi xuất như chị N đã trình bày. Tuy nhiên, khoản vay ngày 7/10/2018, vợ chồng anh chị đã trả lãi cho chị N đến thời điểm vay lần 2 ngày 17/3/2019 vì có trả lãi đầy đủ thì chị N mới cho vay tiếp. Khoản vay ngày 17/3/2019, vợ chồng anh chị đã trả hết gốc và trả lãi một tháng. Đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát phát biểu:** Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký ghi biên bản phiên tòa đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 72 của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và áp dụng Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội chấp nhận yêu cầu của chị N, buộc vợ chồng anh C, chị T phải trả cho chị N số tiền vay tính đến ngày 6/01/2020 là 132.250.000 đồng (gốc: 115.000.000 đồng, lãi: 17.250.000 đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử đến khi thanh toán xong theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS. Chị N phải trả lại chứng nhận đăng ký ro moóc, somi ro moóc biên kiểm soát 35R- 007 09 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 35R-007.09 cho anh C, chị T khi anh C, chị T trả hết nợ. Anh C, chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] **Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:** Tại phiên tòa, vắng mặt anh Phạm Ngọc C và chị Vũ Thị Minh T không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] **Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Chị N không yêu cầu tòa án giải quyết đối với khoản vay ngày 17/3/2019 nên HĐXX không xem xét giải quyết. Đối với khoản vay ngày 7/10/2018, chị N, anh C đều có lời khai thống nhất với nhau về số tiền vay, thời gian vay, mức lãi xuất nhưng không thống nhất về số tiền lãi đã trả. Anh C, chị T không cung cấp được tài liệu chứng cứ để chứng minh đã trả lãi cho chị N và chị N không thừa nhận việc anh C, chị T đã trả lãi cho số tiền vay 115 triệu đồng nên cần xác định anh C, chị T chưa trả lãi cho chị N. Việc các bên thỏa thuận mức lãi xuất 1.700 đồng/triệu/ngày là vượt quá mức lãi suất được pháp luật quy định. Tuy nhiên, chị N đề nghị Tòa án buộc anh C, chị T phải trả nợ lãi theo mức lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc vợ chồng anh C, chị T phải trả cho chị N số tiền vay tính đến ngày 6/01/2020 là 132.250.000 đồng (gốc: 115.000.000 đồng, lãi: 17.250.000 đồng) và số tiền lãi phát sinh kể từ ngày xét xử đến khi thanh toán xong theo quy định của pháp luật. Chị N phải trả lại chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc biển kiểm soát 35R- 007 09 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 35R-007.09 cho anh C, chị T khi anh C, chị T trả hết nợ.

[3] **Về án phí, tạm ứng án phí:** Yêu cầu khởi kiện của chị N được chấp nhận nên vợ chồng anh C, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho chị N.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

### **Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị N; Buộc vợ chồng anh Phạm Ngọc C, chị Vũ Thị Minh T phải trả cho chị Đỗ Thị N số tiền vay (tính đến ngày 6/01/2020) là 132.250.000 đồng (trong đó số tiền gốc: 115.000.000 đồng, tiền lãi: 17.250.000 đồng). Chị N phải trả lại chứng nhận đăng ký rơ moóc, sơmi rơ moóc biển kiểm soát 35R- 007 09 và 01 giấy chứng nhận kiểm định xe 35R- 007. 09 cho anh C, chị T khi anh C, chị T trả hết nợ.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về tạm ứng án phí, án phí: Vợ chồng anh Phạm Ngọc C, chị Vũ Thị Minh T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 6.612.000 (*sáu triệu sáu trăm mười hai nghìn*) đồng. Trả lại cho chị Đỗ Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.945.000 (*năm triệu chín trăm bốn mươi lăm*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2010/01012 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoa Lư.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Hoa Lư;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

(*đã ký*)

**Vũ Thị Kim Oanh**